

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 158/2019/DS-PT

Ngày 03/10/2019

“V/v: Tranh chấp sử dụng
chung hồ nước”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huân.

Các thẩm phán: Ông Trần Duy Phương và bà Lưu Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 03/10/2019, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2019/TLPT-DS ngày 25/6/2019 về việc: “*Tranh chấp sử dụng chung hồ nước*”; Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2019/DS-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2019/QĐXXPT-DS ngày 23/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 134/2019/QĐ-PT ngày 20/9/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Quốc P và bà Hoàng Thị D - Có mặt.

Địa chỉ: Bon Đ, xã Q, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Ông Trần Văn M và bà Hoàng Thị T - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Đình N – Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường N, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/3/2018 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Quốc B và bà Hoàng Thị D trình bày: Cuối năm 2006, vợ chồng ông, bà và mẹ con bà Hoàng Thị T, anh Trần Văn M cùng nhận chuyển nhượng chung của ông Nguyễn Đình N rẫy cà phê có diện tích 4.000m² tại thôn 7, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, cùng với hồ nước có chiều ngang 06m, chiều dài 10m; Hồ nước cách rẫy cà phê nhận chuyển nhượng khoảng 350m; Ngày 21/4/2007, vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị N 1.200m² đất rẫy, liền kề với hồ nước mà ông N đã chuyển giao vào năm 2006; Tháng 11/2007, gia đình vợ chồng ông bà và gia đình bà T, mỗi gia đình góp 800.000đ mở rộng hồ nước sang diện tích đất mà vợ chồng ông, bà nhận chuyển nhượng của bà N và sử dụng hồ nước để tưới nước rẫy cà

phê. Sau đó, hai gia đình thỏa thuận chia đôi rẫy cà phê đã nhận chuyển nhượng của ông N; mỗi gia đình sử dụng, canh tác 2.000m² đất rẫy cà phê và tiếp tục sử dụng hồ nước để tưới nước rẫy cà phê; Năm 2017, bà T và anh M sử dụng hồ nước, tưới rẫy cà phê khác dẫn đến tranh chấp việc sử dụng hồ nước; anh M đã gây thương tích cho ông P. Vì vậy, ông và bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Hoàng Thị T và ông Trần Văn M không được sử dụng hồ nước của vợ chồng ông, bà để tưới rẫy cà phê.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Văn M trình bày: Cuối năm 2006, gia đình ông và gia đình ông Trần Văn P nhận chuyển nhượng chung của ông Nguyễn Đình N rẫy cà phê có diện tích 4.000m² cùng với hồ nước, tại thôn 7, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đúng như nguyên đơn đã trình bày. Do không đủ nước để tưới rẫy cà phê, nên tháng 11/2007, mỗi gia đình góp 800.000đ cải tạo mở rộng hồ nước như hiện nay. Sau đó, hai gia đình đồng ý rút thăm chia đôi diện tích rẫy cà phê, mỗi gia đình sử dụng, canh tác 2.000m² đất rẫy cà phê và sử dụng chung hồ nước để tưới rẫy cà phê; Năm 2016, ông đi trông coi rẫy cà phê và phát hiện bà Hoàng Thị D đang dùng thuốc lưu dẫn đổ vào gốc Tiêu rẫy của gia đình ông, dẫn đến hai gia đình mâu thuẫn và gia đình ông P tìm cách hợp thức hóa giấy tờ để đòi lại hồ nước, không cho gia đình ông sử dụng hồ nước để tưới rẫy cà phê; ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông P.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là bà Hoàng Thị T trình bày: Bà là mẹ ông Trần Văn M; bà đồng ý với lời trình bày của ông M.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người làm chứng là ông Nguyễn Đình N trình bày: Cuối năm 2006, ông chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần Quốc P rẫy cà phê có diện tích 4.000m² cùng với hồ nước, tại thôn 7, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đúng như nguyên đơn đã trình bày; Khi thanh toán tiền nhận chuyển nhượng rẫy cà phê cho ông, vợ chồng ông P nói với ông rằng gia đình ông Trần Văn M và gia đình ông P nhận chuyển nhượng chung rẫy cà phê của ông. Sau này, việc cải tạo mở rộng hồ nước như thế nào, ông không biết.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2019/DS-ST ngày 17/5/2019 của TAND thị xã Buôn Hồ đã áp dụng: Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 164, Điều 165, Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS; Điều 267, Điều 268, Điều 269, Điều 270 và Điều 272 BLDS.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc P và bà Hoàng Thị D về việc không cho ông Trần Văn M, bà Hoàng Thị T sử dụng hồ nước tại thôn 7, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk để tưới nước; hồ nước có tứ cận: hướng Bắc giáp đất ông Hoàng Văn V, cạnh dài 30m; hướng Nam giáp đất ông S, cạnh dài 31,2m; hướng Đông giáp đất ông V, cạnh dài 26m; hướng Tây giáp đất ông S, cạnh dài 22,5m; diện tích hồ nước 742,05m².

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc P và bà Hoàng Thị D về việc: Xác định hồ nước là của vợ chồng ông, bà; Ông Trần Văn M, bà Hoàng Thị T phải chấm dứt tranh chấp hồ nước và trả lại hồ nước cho

vợ chồng ông, bà sử dụng; Quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; Quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 27/5/2019, nguyên đơn là ông Trần Quốc P và bà Hoàng Thị D có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quốc P và bà Hoàng Thị D, VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Hồ nước có diện tích 742,05m² tại thôn 7, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do gia đình ông Trần Quốc P và gia đình ông Trần Văn M nhận chuyển nhượng chung của ông Nguyễn Đình N vào cuối năm 2006, cùng với rẫy cà phê; Cuối năm 2007, hai gia đình góp tiền mở rộng hồ nước và sử dụng chung đến năm 2015 và không có tranh chấp. Hồ nước tài sản chung của hai gia đình, việc ông Trần Quốc P và Hoàng Thị D khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn M và bà Hoàng Thị T không được sử dụng hồ nước là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, bà D là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P và bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn còn trong hạn, nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Quá trình tham gia giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận hồ nước đang tranh chấp tại thôn 7, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc do gia đình ông Trần Quốc P và gia đình anh Trần Văn M, nhận chuyển nhượng chung của ông Nguyễn Đình N vào cuối năm 2006, cùng với rẫy cà phê có diện tích 4.000m²; rẫy cà phê cách hồ nước khoảng 350m. Sau khi nhận chuyển nhượng rẫy cà phê và hồ nước, hai gia đình thỏa thuận chia đôi rẫy cà phê để canh tác và sử dụng chung hồ nước để tưới rẫy cà phê; Ngày 21/4/2007, vợ chồng ông P nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị N 1.200m² đất rẫy, liền kề với hồ nước đang tranh chấp. Đến tháng 11/2007, hai gia đình thỏa thuận góp tiền mở rộng hồ nước sang diện tích đất, mà vợ chồng ông P nhận chuyển nhượng của bà N. Hai gia đình sử dụng chung hồ nước, ổn định từ tháng 11/2007 đến năm 2016 và không có tranh chấp.

Như vậy, hồ nước đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu chung của gia đình ông P và gia đình anh M, nên hai gia đình được quyền sử dụng chung hồ nước. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc P và bà Hoàng Thị D về việc buộc ông Trần Văn M, bà Hoàng Thị T không được sử dụng hồ nước là

có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận của ông P và bà D, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quốc P và bà Hoàng Thị D không được chấp nhận nên ông P và bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc P và bà Hoàng Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 214, Điều 215, Điều 221, Điều 222 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc P và bà Hoàng Thị D, về việc buộc ông Trần Văn M, bà Hoàng Thị T không được sử dụng hồ nước tại thôn 7, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk để tưới nước; hồ nước có tứ cận: hướng Bắc giáp đất ông Hoàng Văn V, cạnh dài 30m; hướng Nam giáp đất ông S, cạnh dài 31,2m; hướng Đông giáp đất ông V, cạnh dài 26m; hướng Tây giáp đất ông S, cạnh dài 22,5m; diện tích hồ nước 742,05m².

Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Quốc P và bà Hoàng Thị D, mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số: 0000062 và biên lai số: 0000063, ngày 27/5/2019, của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Huân